

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-5-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Miện

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1959, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 39/1 Bình Giã, phường 8, thành phố V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Lê Ngọc H tự nguyện chung sống vào năm 1988, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 01 năm 1988 tại UBND phường 1, Đặc khu VT-CD nay là thành phố V, tỉnh B.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên rượu chè về nhà to tiếng xúc phạm vợ con vì những chuyện không rõ lý do dẫn đến không

còn sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 19-5-1991 và cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 25-7-2000, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Ngọc H:

Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án không thu thập ý kiến trình bày của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện chung sống từ năm 1988, có đăng ký kết hôn được UBND phường 1, Đặc khu VT-CD nay là thành phố V, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 2227 ngày 20-01-1988. Quá trình chung sống giữa hai ông bà không hạnh phúc do không hợp tính tình, bất

đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên rượu chè về nhà xúc phạm vợ con dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân. Kết quả xác minh tại địa phương xác định vợ chồng bà H, ông H xảy ra mâu thuẫn là do ông H rượu chè bê tha. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông H thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy bà H yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 19-5-1991 và cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 25-7-2000, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do bà H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Ngọc H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Ngọc H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 19-5-1991 và cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 25-7-2000, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007711 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B. Như vậy, bà Phạm Thị H đã nộp xong án phí. Ông Lê Ngọc H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THA Dân sự TP V;
- UBND phường 1, TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

